

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2023/HC-ST

Ngày 27 – 7 – 2023

V/v “Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hòa.

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 85/2023/TLST-HC ngày 27/4/2023, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐXXST-HC ngày 26/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2023/QĐST-HC ngày 12/7/2023, giữa:

* **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; địa chỉ: Buôn K, xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Hoàng Văn C – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Đường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện B. Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn N – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm T, xã NH, huyện ND, tỉnh Nghệ An, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện bà Nguyễn Thị N trình bày:***

Năm 2002, bà Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng từ ông YS (trú tại: Buôn EM, xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk) một thửa đất nông nghiệp có diện tích khoảng 1,5 ha (kết quả đo đạc của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk có diện tích là 15.732m²) tọa lạc tại thôn TP, xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (các bên có viết giấy tờ chuyển nhượng nhưng không có xác nhận của UBND xã nơi có đất). Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất rẫy của ông YK; Phía Tây giáp khe suối Ca giên; Phía Nam giáp đường đi; Phía Bắc giáp đất ông YS;

Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà N đã canh tác sử dụng ổn định liên tục nhiều năm, không có tranh chấp, không bị cơ quan có quyền xử lý hành chính về vi phạm đất đai. Đến năm 2005, do phải về quê chăm sóc người bệnh nên bà N đã giao lại đất cho 02 người em là Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị T trông coi và sử dụng từ năm 2005 đến năm 2007. Trong năm 2007, gia đình bà N quay về huyện B tiếp tục sử dụng đất đến năm 2009.

Năm 2010, toàn bộ diện tích đất của bà N bị ngập hoàn toàn do công trình thủy điện SrêPôk 3, gia đình không thể canh tác được, nhưng UBND huyện B không ban hành thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật, trong khi đó, những hộ dân có đất liền kề bị ngập đã được UBND huyện B tiến hành thu hồi, lập phương án bồi thường, hỗ trợ từ rất lâu. Nhận thấy, việc làm vô lý của UBND huyện gây bức xúc, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà N đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất của gia đình bà N bị ngập trong lòng hồ thủy điện SrêPôk 3.

Ngày 31/10/2016, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 3900/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), chấp nhận bồi thường 15.732 m² đất và cây trồng trên đất gồm: 1,1 ha cây sả, 4.732 m² rau muống cho gia đình bà N.

Sau khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, UBND huyện B không tiến hành các thủ tục để thực hiện việc bồi thường cho gia đình bà N theo quy định, mặc dù bà N đã rất nhiều lần yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Ngày 09/11/2018, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B lại ban hành Quyết định số 3896/QĐ-UBND về việc hủy bỏ quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Khi nhận được Quyết định số 3896/QĐ-UBND, bà N vô cùng bức xúc nên đã nhiều lần khiếu nại, trong quá trình tiếp nhận đơn khiếu nại và làm việc với bà N, các cán bộ đã nhiều lần hứa hẹn sẽ giải quyết dứt điểm cho bà N; đồng thời thuyết phục bà N rút khiếu nại vào buổi làm việc ngày 11/4/2019.

Sau nhiều lần khiếu nại không mang lại kết quả, ngày 23/7/2019, bà N đã khởi kiện yêu cầu UBND huyện B khắc phục hậu quả hành vi hành chính, phải ban hành Quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình

bà N theo quy định của pháp luật. Đồng thời buộc UBND huyện B hủy bỏ quyết định số 3896/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B về việc hủy bỏ Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 về việc giải quyết khiếu nại.

Tại Bản án số 50/2020/HC-PT ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, hủy bỏ quyết định số 3896/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B “Về việc hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại”. Hủy một phần Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 03/4/2006 của Ủy ban nhân dân huyện B “V/v thu hồi đất xây dựng lòng hồ thủy điện đợt 1 và Mỏ đất A công trình thủy điện SrêPók 3 tại 02 xã Tân Hòa – EN”. Yêu cầu UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk căn cứ Bản án số 50/2020/HC-PT và QĐ số 3900/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện B để thực hiện nhiệm vụ ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà N bị ngập trong lòng hồ thủy điện SrêPók 3 theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 5853/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: Buôn K, xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk có đất bị ảnh hưởng, thu hồi xây dựng công trình Nhà máy thủy điện SrêPók 3, địa chỉ xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (gọi tắt là Quyết định số 5853).

Tuy nhiên, sau khi nhận được Quyết định số 5853, bà N nhận thấy Phương án bồi thường, hỗ trợ về cây trồng trên đất cho gia đình bà N với tổng số tiền 174.575.162 đồng là quá thấp, không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích cho gia đình bà N. Bởi theo quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện B thì Ủy ban nhân dân huyện B đã công nhận và đồng ý bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà N với tổng số diện tích: 11.000m² trồng sả; 4.732 m² trồng rau muống (cây sả được gia đình bà N trồng trong năm 2007 – 2008; cây rau muống đã được trồng trong năm 2008 – 2009, đến năm 2010 thì đất gia đình bà N đã bị ngập hoàn toàn). Như vậy, xét về chu kỳ sinh trưởng của cây Sả và rau muống thì toàn bộ số cây sả và rau muống của gia đình bà N trồng đang trong thời kỳ thu hoạch, mà không phải là loại cây mới trồng như Phương án bồi thường, hỗ trợ ban hành kèm theo Quyết định số 5853 đã xác định.

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Hủy Quyết định số 5853/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: Buôn K, xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk có đất bị ảnh hưởng, thu hồi xây dựng công trình Nhà máy thủy điện SrêPók 3, địa chỉ xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N trong đó xác định cây sả và cây rau muống đang trong thời kỳ thu hoạch.

**** Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện ông Lê Văn N trình bày:***

Ngày 02/11/2022, UBND huyện ban hành Công văn số 1148/UBND-TNMT về việc xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị N theo Bản án số 50/2020/HC-PT, ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

Ngày 22/12/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện có Tờ trình số 126/TTr-TTPTQĐ về việc đề nghị Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: Buôn K, xã EN, huyện B có đất bị ảnh hưởng, thu hồi xây dựng công trình Nhà máy thủy điện SrêPôk 3, địa chỉ: xã EN, huyện B; Kèm theo phương án số 16/PA-TTPTQĐ ngày 22/12/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất.

Ngày 30/12/2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 853/TTr-TNMT về việc đề nghị phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ về cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: Buôn K, xã EN, huyện B có đất bị ảnh hưởng, thu hồi xây dựng công trình Nhà máy thủy điện SrêPôk 3, địa chỉ: xã EN, huyện B.

Như vậy, UBND huyện B đã thực hiện Bản án số 50/2020/HC-PT ngày 27/11/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị N yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 5853/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 là không có cơ sở.

Ngoài ra, ngày 27/3/2023 UBND huyện đã có Báo cáo số 92/BC-UBND về việc đã thực hiện xong Bản án số 50/2020/HC-PT ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực Quản lý đất đai.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:***

Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị N. Hiện nay, bà N đang khởi kiện vụ án hành chính để yêu cầu Tòa án Hủy bỏ quyết định số 5853/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N để ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ mới trong đó bồi thường về cây trồng gồm cây sả và cây rau muống là loại sắp thu hoạch.

Tôi thống nhất với phần trình bày của bà N về toàn bộ nội dung vụ án cũng như yêu cầu khởi kiện của vợ tôi. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp đối thoại, tuy nhiên, tại phiên họp người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không thể tiến hành đối thoại được, đồng thời người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- *Về nội dung:* Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N: Hủy Quyết định số 5853/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N trong đó xác định cây sả và cây rau muống đang trong thời kỳ thu hoạch.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- *Về đối tượng khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5853/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: Buôn K, xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk có đất bị ảnh hưởng, thu hồi xây dựng công trình Nhà máy thủy điện SrêPôk 3, địa chỉ xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Quyết định số 5853) là đối tượng khởi kiện được quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 của Luật tố tụng hành chính.

- *Về thời hiệu:* Ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 5853. Ngày 28/3/2023, bà Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện là trong thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về sự có mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, ông Lê Văn N và ông Nguyễn Văn L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với theo quy định tại khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5853, thì thấy:

[2.1] Về thẩm ban hành Quyết định số 5853: Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định tại Điều 66 và khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung:

Diện tích đất 15.732m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số EN03 tại xã EN, huyện B của bà Nguyễn Thị N có nguồn gốc do vợ chồng ông YS khai hoang, sử dụng từ năm 1990 để trồng cây. Năm 2002, vợ chồng ông YS chuyển nhượng thửa đất này cho bà N, bà N tiếp tục sử dụng để trồng cây nông nghiệp và thửa đất này đã được xác định là một phần diện tích đất thuộc khoảnh 1 thửa số 08, là đất “SXN” (khu vực đất sản xuất nông nghiệp) tại các Tờ bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2005 xã EN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thửa đất nêu trên nằm trong khu vực đất bị thu hồi để thực hiện công trình Nhà máy thủy điện Srê Pôk 3, địa chỉ xã EN, huyện B.

Tuy nhiên, khi thực hiện công trình Nhà máy thủy điện SrêPôk 3, Ủy ban nhân dân huyện B xác định thửa đất nêu trên là của hộ ông YS, cụ thể: Tại Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 03/4/2006 của Ủy ban nhân dân huyện B và bản danh sách thu hồi đất kèm theo thể hiện Ủy ban nhân dân huyện B đã thu hồi của ông YS 04 thửa đất trong đó có thửa đất số 172 của bà Nguyễn Thị N. Nhưng sau đó xác định thửa đất số 172 này là đất chưa sử dụng nên không bồi thường cho hộ ông YS.

Tại bản án số 50/2020/HCPT ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy một phần Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 03/4/2006 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc “Thu hồi đất xây dựng lòng hồ thủy điện đợt 1 và mở đất A Công trình thủy điện SrêPôk 3 tại thôn 2, xã TH – EN” đối với phần thu hồi thửa đất số 172, tờ bản đồ số EN03, diện tích 15.732m², loại đất “BCS”.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định thửa đất số 172 nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, khi thực hiện công trình Nhà máy thủy điện SrêPôk 3, Tổ kiểm kê của Hội đồng bồi thường không tiến hành kiểm kê tài sản trên thửa đất số 172; Ủy ban nhân dân huyện B không ban hành Quyết định bồi đất, không bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N là trái quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà N nên bà N đã khiếu nại theo quy định.

Ngày 31/10/2016, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 3900/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), chấp nhận bồi thường 15.732 m² đất và cây trồng trên đất gồm 1,1 ha cây sả, 4.732 m² rau muống cho gia đình bà N.

Nhưng đến ngày 09/11/2018, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 3896/QĐ-UBND về việc hủy bỏ quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Không đồng ý với Quyết định số 3896 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B nên sau đó bà N đã khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu hủy Quyết định số 3896/QĐ-

UBND ngày 09/11/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B về việc hủy bỏ Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 về việc giải quyết khiếu nại và buộc UBND huyện B khắc phục hậu quả hành vi hành chính, phải ban hành Quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà N theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 50/2020/HCPT ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, hủy Quyết định số 3896/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B; Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B căn cứ vào nội dung bản án này và Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B “V/v giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, trú tại thôn Hòa An, xã EN, huyện B (lần đầu)” để thực hiện nhiệm vụ ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông YS, bà H Dồn Byã đã bị thu hồi để xây dựng lòng hồ thủy điện Công trình thủy điện Srêpôk 3 tại xã EN đúng quy định của pháp luật.

Tại Điều 1 Điều 2 của Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có nội dung:

“- Chấp nhận bồi thường 15.732 m² đất và cây trồng trên đất gồm: 1,1 ha cây sả, 4.732 m² rau muống tại thôn TP, xã Ea Nuôi, huyện B của bà Nguyễn Thị N...”

Tại Điều 2 của Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có nội dung:

Giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND huyện lập thủ tục thu hồi đất, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị N đối với diện tích 15.732m² đất và cây trồng trên đất tại thôn TP, xã EN, huyện B thuộc quy hoạch xây dựng công trình lòng hồ thủy điện Srô Pôk 3 theo quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể áp dụng:

+ Loại đất: Đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác.

+ Cây trồng trên đất: 1,1 ha cây sả, 4.732m² rau muống...”

Ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 5853/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N, cụ thể bồi thường, hỗ trợ về cây trồng cho bà Nguyễn Thị N với tổng số tiền là 174.575.162 đồng (trong đó xác định cây sả và rau muống của gia đình bà N thuộc loại mới trồng).

Việc bà N cho rằng, cây sả và cây rau muống mà gia đình bà N trồng trên diện tích đất bị thu hồi là cây trồng đang trong thời kỳ thu hoạch là có căn cứ, bởi lẽ: 1,1 ha cây sả được gia đình bà N trồng vào năm 2007-2008 và 4.732m² rau muống được trồng trong năm 2008 – 2009, xét về chu kỳ sinh trưởng của cây Sả và rau muống thì toàn bộ số cây sả và rau muống nêu trên đang trong thời kỳ thu hoạch. Trong khi đó, Ủy ban nhân dân huyện B xác định 02 loại cây trồng

trên đất nêu trên của gia đình bà N là loại cây mới trồng nhưng lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là loại cây mới trồng. Tại thời điểm thu hồi đất, kiểm đếm tài sản thì cơ quan có thẩm quyền cũng không thực hiện việc kiểm đếm tài sản của bà N theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5853 của Ủy ban nhân dân huyện B, đồng thời buộc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N trong đó xác định cây sả và cây rau muống đang trong thời kỳ thu hoạch là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 66 và khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- Hủy Quyết định số 5853/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: Buôn K, xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk có đất bị ảnh hưởng, thu hồi xây dựng công trình Nhà máy thủy điện SrêPôk 3, địa chỉ xã EN, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị N trong đó xác định 1.1 ha cây sả, 4.732m² rau muống là loại đang trong thời kỳ thu hoạch.

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm: Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Tú